TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K THÀNH PHỐ HÀ NỘI.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày 07 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hà Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Nguyễn Thị Hồng Ninh

Ông: Vũ Minh Long – giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:

Ông: Lê Đình Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/TLST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đ K V (tên gọi khác: không), sinh ngày 15/10/2008 tại H; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm Q, xã Q, huyện E, tỉnh H; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đ Q V, sinh năm 1987 và bà X T Đ, sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang tạm giam tại trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà X T Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: Xóm Q, xã Q, huyện E, tỉnh H. (Vắng mặt tại phiên tòa)

*Người bào chữa cho bị cáo:

- Ông Lê Quang Đạo – trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa);

- Bà Tạ Thị Bích Hạnh – Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Ánh Kim thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: số U, phố S, thị trấn P, huyện Z, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại

phiên tòa).

2. Họ và tên: B H T (tên gọi khác: không), sinh năm 2005 tại H; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: thôn Y, xã I, thành phố H, tỉnh H; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông B V T, sinh năm 1966 và bà N T T, sinh năm 1969; Tiền sự: không có; Tiền án: có 01 tiền án: bản án số 71/2024/HSST, ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H, xử phạt bị cáo 05 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngày 14/10/2024, Tòa án nhân dân thành phố H ra Quyết định giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo số 03/2024/HSST-QĐ, buộc B H T phải chấp hành hình phạt 05 tháng tù tại bản án số 71/2024/HSST, ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm, Thanh Hóa - Bộ Công an. (vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Bị hại: Anh L H A, sinh năm 2004; Địa chỉ: Thôn R, xã W, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:* Anh L H H, sinh ngày 28/3/2007; Nơi cư trú: Thôn R, xã W, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện hợp pháp của anh L H H: Ông L T H, sinh năm 1983 (là bố đẻ của anh L H H); Nơi cư trú: Thôn R, xã W, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

(Đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 11/2024, Đ K V từ H đi đến khu vực huyện X, Bắc Ninh để tìm việc làm. Đến khoảng 13 giờ ngày 30/11/2024, V chơi điện tử tại một quán internet ở khu vực phường A, X, Bắc Ninh; V gặp và quen anh L H H. Quá trình nói chuyện, anh H nói với V đang tìm mua một chiếc pô xe máy thì V nói có quen B H T đang thừa một chiếc pô xe máy muốn bán thì anh H bảo V dẫn qua để xem thì V đồng ý. Sau đó, anh H chở V đi sang khu vực J, Bắc Ninh gặp B H T. Tại đây, anh H và T nói chuyện về mua bán pô xe máy nhưng T nói pô xe máy ở nhà hẹn hôm khác qua lấy.

Đến ngày 01/12/2024, V mượn điện thoại của một người cùng xóm trọ (không nhớ rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho T nói muốn lấy xe máy của anh H để làm phương tiện đi lại và nhờ T tìm cách lấy thì T đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T gọi điện qua Messenger cho V, bảo V liên hệ với anh H để đón đi lấy pô xe máy bên Hà Nội. Sau đó, anh H đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, không đeo BKS, màu trắng – đen qua đón V và T. T điều khiển xe chở anh H ngồi giữa, V ngồi sau cùng đi đến khu vực cầu Thanh Trì

thì rẽ vào QL39 hướng về Hưng Yên. Khi cả ba đi đến khu vực xã Đ, T dừng xe đi vệ sinh, V đi ra chỗ của T còn anh H vẫn ngồi ở xe. Lúc này T bàn với V là "*tý đi ra chỗ nào có quán bán hàng thì dừng lại bảo Hải vào xin Wifi thì tao với mày phóng xe đi*". Sau khi bàn bạc, T tiếp tục điều khiển xe máy chở anh H và V đi tiếp, cả ba đi đến đoạn đường đối diện một quán phở trên đường G thuộc thôn H, xã Đ, K, Hà Nội thì T dừng xe, đưa cho anh H 01 chiếc điện thoại di động ViVo, màu đỏ của T để anh H vào xin nhờ wifi để tìm đường, còn T và V đứng ngoài đợi. Khi anh H cầm chiếc điện thoại trên đi vào quán thì T cùng V điều khiển xe máy của anh H đi, không quay lại.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản, T và V tiếp tục điều khiển chiếc xe máy trên đi chơi lang thang bên Hà Nội, đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 03/12/2024, khi V và T đang điều khiển chiếc xe máy trên đi sang khu vực quận C thì V bị Tổ công tác 141 - Công an TP Hà Nội dừng xe kiểm tra. Do V không đội mũ bảo hiểm, không có giấy tờ xe nên Tổ công tác đã bàn giao V và T cho Công an phường Quang Trung, C giải quyết. Do không bị kiểm tra, T bắt xe đi về H. Đến ngày 04/12/2024, T bị Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an TP H bắt thi hành án theo Quyết định thi hành án hình phạt tù của Tòa án nhân dân TP H.

Vật chứng thu giữ gồm:

Thu giữ của Đ K V: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu trắng – đen, không đeo biển kiểm soát, số khung: 5115LK638356, số máy: JM51E1639839, loại xe hai bánh từ 50-175 cm^3, dung tích 124 cm^3, năm sản xuất 2020, đã qua sử dụng.

Thu giữ của L H H: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y11, màn hình cảm ứng, màu đỏ đậm, số IMEI 1: 864350048168516, số IMEI 2: 864350048168508, không lắp sim liên lạc.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 300 ngày 12/12/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: *01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu trắng – đen, không đeo biển kiểm soát, số khung: 5115LK638356, số máy: JM51E1639839, loại xe hai bánh từ 50-175 cm^3, dung tích 124 cm^3, năm sản xuất 2020, đã qua sử dụng, tại thời điểm xảy ra vụ việc ngày 01/12/2024 có giá trị 28.000.000 đồng.*

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSGL, ngày 21/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Đ K V và B H T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên toà:

Bị cáo Đ K V, người đại diện của bị cáo V là bà X T Đ và B H T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, xin giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung gì thêm

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, không có yêu cầu hay đề nghị gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày luận tội:

Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng đã truy tố bị cáo, trên cơ sở xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của hai bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đ K V và B H T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm i,s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 101, Điều 38, Điều 17, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với Đ K V.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 56, Điều 38, Điều 17, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với B H T.

Đề nghị xử phạt Đ K V từ: 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 04/12/2024.

Đề nghị xử phạt B H T từ 18 tháng đến 21 tháng. Tổng hợp hình phạt của bản án số 71/2024/HSST, ngày 14/6/2024 và Quyết định giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo số 03/2024/HSST-QĐ của Tòa án nhân dân thành phố H, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 23 tháng đến 26 tháng tù tính từ ngày bắt thi hành bản án số 71/2024/HSST là ngày 04/12/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo.

Về vật chứng: dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y11, màn hình cảm ứng, màu đỏ đậm của bị cáo B H T do đây là cung cụ, phương tiện phạm tội.

Về dân sự: không

Người bào chữa cho bị cáo V là luật sư Tạ Thị Bích Hạnh trình bày: không có ý kiến về tội danh cũng như khung hình phạt chỉ đề nghị HĐXX xem xét áp dụng cho bị cáo V Điều 54 của Bộ luật hình sự do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, cho bị cáo V hưởng mức án dưới khung hình phạt. Bị cáo V có điều kiện gia đình đặc biệt, bố mẹ bị cáo ly hôn từ khi bị cáo còn rất nhỏ nên thiếu sự giáo dục đầy đủ. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo với mức án thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo V là ông Lê Quang Đạo trình bày: ông nhất trí với lời bào chữa của luật sư Tạ Thị Bích Hạnh và đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự do bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày).

Đại diện Viện kiểm sát sau khi nghe ý kiến tranh luận của hai người bào chữa cho bị cáo V vẫn giữ nguyên quan điểm về mức đề nghị hình phạt và bổ sung thêm đề nghị áp dụng cho bị cáo V khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*:

[1.1]. Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Hai bị cáo vắng mặt, người đại diện hợp pháp của bị cáo V đều vắng mặt tại phiên tòa đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đều giữ nguyên toàn bộ lời khai tại cơ quan điều tra. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự. Vì vậy HĐXX xét xử vắng mặt các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại khoản 2 Điều 290 và khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. *Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt*:

Lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Do cần tiền tiêu xài, Đ K V đã nẩy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario của anh L H A nhưng do anh L H H đang quản lý. Để thực hiện ý định của mình, Đ K V đã bàn với B H T thực hiện hành vi chiếm đoạt. Lợi dụng việc anh H đang muốn tìm mua 1 pô xe máy, Đ K V và B H T đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách nói dối anh H là đi lấy pô xe máy rồi chở anh H bằng chiếc xe mô tô trên, đi lòng vòng đến 1 quán phở rồi bảo anh H cầm điện thoại vào quán xin wife để hỏi đường. Khi anh H vào quán hỏi thì T chở V phóng xe máy bỏ đi chiếm đoạt chiếc xe mô tô này. Khi anh H quay lại không thấy V và T đâu, biết mình bị lừa nên đã trình báo cơ quan Công an. Giá trị chiếc xe mô tô V và T chiếm đoạt là 28.000.000 đồng.

Hành vi của hai bị cáo đã cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 174 – Bộ luật hình sự.

Điều 174 quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

Bản cáo trạng số 12/CT-VKSGL, ngày 21/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Đ K V và B H T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS là đúng người, đúng tội.

[3]. *Về hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quan hệ sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm của hành vi và hậu quả nguy hiểm hành vi nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

Đối với bị cáo V: bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự lấy đó làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo B H T: do bị cáo phạm tội trong thời gian đang chấp hành án của bản án số 71/2024/HSST, ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm, trong đó Đ K V là người khởi xướng, chủ mưu và cùng với B H T thực hành tích cực. Bị cáo T có tình tiết tăng nặng là tái phạm nên mức hình phạt của hai bị cáo trong khung hình phạt là tương đương nhau và phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ giáo dục và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, HĐXX cũng xem xét: thời điểm phạm tội, bị cáo V là người chưa thành niên (16 tuổi 01 tháng 16 ngày) nên được áp dụng khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự, được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất, đồng thời được áp dụng. khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự, mức phạt tù có thời hạn đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không quá ¾ mức hình phạt tù mà điều luật quy định đối với bị cáo V.

Đối với bị cáo B H T, cần tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 05 tháng tù của bản án số 71/2024/HSST, ngày 14/6/2024 và Quyết định giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo số 03/2024/HSST-QĐ, ngày 14/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự, thời hạn tù

tính từ ngày áp giải thi hành án 04/12/2024 (theo "Biên bản áp giải người có quyết định thi hành án phạt tù") của cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố H, tỉnh H.

[4]. *Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị* áp dụng đối với bị cáo có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Về ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo Đ K V có phần phù hợp, có phần chưa phù hợp với nhận định của HĐXX.

[5].*Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ khoản 6 Điều 91 của Bộ luật hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ K V do bị cáo dưới 18; Đối với bị cáo B H T, Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có thu nhập và tài sản tích lũy, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự:* Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, không đeo BKS, màu trắng - đen, Cơ quan điều tra xác định là tài sản của anh L H A (sinh năm 2004 - là anh trai ruột của anh L H H). Ngày 13/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả tài sản trên cho anh L H A. Anh H A đã nhận lại tài sản là đúng quy định của pháp luật. Anh L H A và anh L H H không có yêu cầu, đề nghị gì về bồi thường dân sự là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[7]. *Về xử lý vật chứng*: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y11 là tài sản của B H T do liên quan đến hành vi phạm tội của hai bị cáo.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: các bị cáo Đ K V và B H T có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 174, điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, khoản 6 Điều 91; khoản 1 Điều 101 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ K V.

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56, Điều 58, Điều 17, và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo B H T.

Căn cứ vào các Điều: 326, 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên bố: bị cáo Đ K V và bị cáo B H T phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài

sản.

Xử phạt: **Đ K V 09 (chín) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bắt 04/12/2024.

Xử phạt: bị cáo **B H T 16 (mười sáu) tháng tù**. Bị cáo phải chấp hành hình phạt 05 (năm) tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 71/2024/HSST, ngày 14/6/2024 và Quyết định giải quyết đề nghị buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo số 03/2024/HSST-QĐ, ngày 14/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H đã có hiệu lực pháp luật. Tổng hợp hình phạt của hai bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **21 (hai mươi mốt)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày áp giải thi hành án 04/12/2024.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với hai bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: không.

Về vật chứng: tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo Y11, màn hình cảm ứng, màu đỏ đậm, số IMEI 1: 864350048168516, đã qua sử dụng, không lắp sim liên lạc. Vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, theo Biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản lập ngày 05/02/2025.

Về án phí: bị cáo Đ K V và bị cáo B H T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho bị cáo Đ K V, bị cáo B H T, bà X T Đ, ông Lê Quang Đạo, bà Tạ Thị Bích Hạnh và anh L H A, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh L H H và ông L T H có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết đinh được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Bị cáo, người tham gia tố tụng
- VKSND huyện K
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- Công an TP. Hà Nội.
- Chi cục THADS huyện K
- Sở tư pháp TP. Hà Nội
- UBND xã Q, H.E và UBND xã I, thành phố H: tỉnh H (thay cho thông báo kết quả xét xử)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: hồ sơ vụ án

Thái Thị Hà Thu